

Số: 255/KH-UBND

Tiên Yên, ngày 14 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi năm 2027

Thực hiện Thông báo số 40/TB-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh về Thông báo Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị Phổ biến, tuyên truyền kiến thức và các mô hình về chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi năng suất, giá trị kinh tế cao cho người dân; Thông báo số 51/TB-UBND ngày 28/3/2026 về kết luận của đồng chí Phan Huy Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị chuyên đề triển khai các giải pháp thực hiện Kịch bản tăng trưởng gắn với thu ngân sách nhà nước năm 2026; Văn bản số 5626/SNNMT-TTBVTV của Sở Nông nghiệp và Môi trường, ngày 11/8/2026 về việc tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và xây dựng Kế hoạch năm 2027.

Ủy ban nhân dân xã Tiên Yên xây dựng Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi năm 2027 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Hình thành và phát triển các vùng sản xuất tập trung, trọng tâm là các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao như: cây mai tre lấy măng, sa nhân tím, chuối già Nam mỹ, Khôi nhung tím, cam, quýt đường canh, Thanh Long, Nấm rơm, gia súc, gia cầm, dúi, ong lấy mật, nuôi cá rô phi đơn tính, ốc nhồi... góp phần tăng thu nhập cho người dân.

Tiếp tục phát triển mô hình trồng trọt, chăn nuôi đã có hiệu quả, có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và tập quán sản xuất của người dân.

- Nâng cao thu nhập cho người dân, tạo sinh kế bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, giống mới có năng suất, chất lượng cao, từng bước nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp.

2. Yêu cầu

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông nghiệp của xã, đảm bảo hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững.

Quá trình triển khai phải gắn với điều kiện thực tế của từng thôn, từng vùng sản xuất, lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu và tập quán

canh tác của người dân.

Các chỉ tiêu về diện tích chuyển đổi, số hộ tham gia, số lượng cây trồng và vật nuôi phát triển mới phải được xác định cụ thể, có lộ trình thực hiện rõ ràng.

II. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Địa điểm thực hiện: Các thôn trên địa bàn xã.

Thời gian thực hiện: Năm 2027.

IV. NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI CỤ THỂ

1. Các mô hình trồng trọt

1. Các mô hình trồng trọt

1.1 Mô hình trồng ghép quýt đường canh vào gốc bưởi

- Tiếp tục duy trì mô hình ghép quýt đường canh vào gốc bưởi năm 2026, năm 2027 diện tích 5 ha.

- Số tham gia: 02 hộ

- Địa điểm: Thôn Buông, Yên Thượng

- Hình thức tổ chức: Hộ gia đình

- Dự kiến sau 3 năm bắt đầu cho thu nhập bình quân: 150 - 200 triệu đồng/ha/năm.

* Mục tiêu: Duy trì và chăm sóc mô hình ghép cải tạo quýt đường Canh trên gốc bưởi từng bước hình thành vùng sản xuất quýt đường Canh phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của xã, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và thu nhập cho người dân.

* Đánh giá thực hiện ghép cải tạo quýt đường Canh trên gốc bưởi bước đầu cho thấy khả năng sinh trưởng, phát triển phù hợp với điều kiện tại địa phương. Cây sau ghép sinh trưởng tương đối tốt, tiết kiệm chi phí so với trồng mới, tận dụng được bộ rễ và diện tích vườn bưởi hiện có, Bước đầu mô hình cho hiệu quả kinh tế, mở ra hướng chuyển đổi, cải tạo những diện tích cây ăn quả kém hiệu quả sang giống quýt đường Canh có giá trị kinh tế cao hơn.

1.2 Mô hình trồng chuối già Nam mỹ

- Tiếp tục duy trì mô hình chuối già năm 2026 diện tích 6 ha, năm 2027 dự kiến mở rộng 8 ha.

- Số tham gia: 10 hộ

- Địa điểm: Thôn Nghè

- Hình thức tổ chức: Hộ gia đình

- Dự kiến cho thu nhập bình quân: 140 - 160 triệu đồng/ha/năm.

* Mục tiêu: Duy trì và chăm sóc mô hình cây chuối có chu kỳ sinh trưởng ngắn cho thu nhập tương đối ổn định, tận dụng tốt diện tích đất cam chết, đất soi bãi và lao động nông nhân tại chỗ. Cây Chuối sinh trưởng tốt, ít sâu bệnh, phù hợp với

điều kiện tự nhiên của xã. Cây chuối có chu kỳ sinh trưởng ngắn, tạo nguồn thu nhập thường xuyên cho người dân. Tuy nhiên, quy mô sản xuất hiện nay còn nhỏ lẻ; kỹ thuật chăm sóc, chuối của một số hộ còn hạn chế; việc liên kết tiêu thụ sản phẩm chưa ổn định. thiết bị bảo quản sơ chế và liên kết thị trường

* Định hướng phát triển Giai đoạn 2026 - 2030, xã tiếp tục mở rộng diện tích trồng chuối tại các khu vực có điều kiện phù hợp; từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã để liên kết sản xuất, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao hiệu quả kinh tế. Định hướng phát triển sản phẩm theo hướng hàng hóa, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm chuối của xã, gắn với phát triển kinh tế hộ gia đình và tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho Nhân dân.

* Giải pháp thực hiện - Tăng cường tập huấn kỹ thuật trồng chuối, chăm sóc cho người dân.

- Hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư mở rộng sản xuất.
- Khuyến khích liên kết với doanh nghiệp thu mua, chế biến sản phẩm.
- Hỗ trợ xây dựng tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

1.3. Mô hình trồng tre lấy măng: (tre măng lục trúc, mai thái..)

- Tiếp tục duy trì mô hình trồng tre lấy măng năm 2026 diện tích 62 ha. (dự kiến trồng mới 10 ha năm 2027). Tổng số 72 ha.

- Số tham gia: 18 hộ - Địa điểm: thôn Nghè, Thôn Thượng, Thôn Buông, Yên Chung
- Dự kiến thu nhập bình quân: 180 - 200 triệu đồng/ha/năm.

* Mục tiêu: Nâng cao thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích từ 1,5 - 2 lần so với trồng cây hàng năm khác.

* Đánh giá thực hiện Đây là mô hình phù hợp với điều kiện đất đồi, khí hậu và thổ nhưỡng của địa phương. Tre lục trúc có khả năng sinh trưởng tốt, ít sâu bệnh, chi phí đầu tư không lớn và cho thu hoạch măng ổn định. Sản phẩm măng tre lục trúc được thị trường ưa chuộng, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và tận dụng hiệu quả diện tích đất trồng cam kém hiệu quả. Tuy nhiên, diện tích trồng hiện nay còn nhỏ lẻ; kỹ thuật chăm sóc và khai thác của một số hộ còn hạn chế; việc tiêu thụ sản phẩm cơ bản ổn định, việc chưa đủ sản phẩm để ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm trên 1.000 tấn/vụ măng

* Định hướng phát triển Khuyến khích mở rộng diện tích trồng tre lục trúc tại các khu vực có điều kiện phù hợp; từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển sản phẩm măng tre lục trúc theo hướng hàng hóa, xây dựng sản phẩm đặc trưng của xã gắn với Chương trình OCOP và phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm.

- Tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

1.4. Mô hình trồng cây dược liệu (Sa nhân tím, khôい nhung, Thiên niên kiện..)

- Diện tích khoảng 33 ha năm 2026, dự kiến năm 2027 mở rộng thêm 12 ha); số hộ tham gia khoảng 16 hộ.

- Địa điểm: Thôn Thượng Minh, Thôn Kem, Tân Bê, Thôn Buông, Thôn Nghè

. - Hình thức tổ chức: Hộ gia đình - Dự kiến thu nhập bình quân đạt khoảng: 120-150 triệu đồng/ha/năm.

* Mục tiêu: Nâng cao thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích từ 1,2 – 1,5 lần so với trồng cây hàng năm khác.

* Đánh giá thực hiện Đây là mô hình phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng dưới tán rừng. Các loại cây dược liệu có khả năng thích nghi tốt, nhu cầu thị trường tương đối ổn định, hiệu quả kinh tế cao hơn so với một số cây trồng truyền thống. diện tích dưới tán rừng; đồng thời tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Một số hộ dân bước đầu đã áp dụng kỹ thuật trồng, chăm sóc và sơ chế sản phẩm, từng bước hình thành tư duy sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, diện tích sản xuất hiện nay còn nhỏ lẻ, phân tán; nguồn giống chất lượng chưa ổn định; kỹ thuật chăm sóc, bảo quản và sơ chế sản phẩm của một số hộ còn hạn chế. Việc liên kết tiêu thụ sản phẩm chưa bền vững, chưa có cơ sở chế biến sâu nên giá trị gia tăng của sản phẩm còn thấp.

* Định hướng phát triển Khuyến khích mở rộng diện tích trồng cây dược liệu tại các khu vực có điều kiện phù hợp; ưu tiên phát triển các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng địa phương. Từng bước hình thành vùng trồng dược liệu tập trung gắn với liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển cây dược liệu theo hướng sản xuất hàng hóa, an toàn, bền vững; khuyến khích phát triển dược liệu dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp.

1.5. Sản xuất lúa hàng hóa theo hướng nâng cao chất lượng:

Phát triển 11 vùng lúa chất lượng cao diện tích đạt 113,3 ha, tại thôn Trung Thành, Hạ Quang, thôn Kem, Yên chung, Yên Ngoan, Thôn Buông

Sản xuất lúa hàng hóa theo hướng nâng cao chất lượng: Tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích sản xuất lúa chất lượng cao, lúa hàng hóa gắn với lựa chọn giống có năng suất, chất lượng và khả năng thích ứng tốt với điều kiện sản xuất của địa phương. Tập trung xây dựng, củng cố các vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung; áp dụng đồng bộ các biện pháp thâm canh, sử dụng phân bón hợp lý, quản lý dịch hại tổng hợp, giảm chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tăng cường hướng dẫn người dân thực hiện quy trình sản xuất an toàn, từng bước áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình sản xuất phù hợp; khuyến khích liên kết giữa hộ dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong cung ứng vật tư đầu vào, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm lúa, từng bước hình thành vùng sản xuất lúa hàng hóa ổn định, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

1.6. Duy trì và nâng cao hiệu quả cây chè:

Tiếp tục duy trì ổn định diện tích chè hiện có 110 ha, đồng thời mở rộng

thêm diện tích 20 ha, tập trung cải tạo các diện tích chè già cỗi, năng suất thấp nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, gắn với định hướng sản xuất bền vững, từng bước nâng cao chất lượng chè, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường và cải thiện thu nhập cho người trồng chè.

2. Lĩnh vực chăn nuôi

2.1. Phát triển chăn nuôi gia súc, lợn dê theo hướng hàng hóa:

2.2. Mô hình chăn nuôi dê sinh sản, thương phẩm:

- Tiếp tục duy trì mô hình nuôi dê sinh sản mới thực hiện năm 2026 (15 hộ/400 con) (dự kiến tăng mới 10 hộ năm 2027 quy mô khoảng 15 con /hộ.)

– Số tham gia: 15 hộ

- Địa điểm: Buông, Thôn Nghè, Thôn Hạ, Yên Chung, Thượng Minh, Yên Ngoan. ...

- Hình thức tổ chức: Hộ gia đình Dự kiến thu nhập bình quân: 120-150 triệu đồng/hộ/năm.

* Mục tiêu: Nâng cao thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích từ 1,5 - 2 lần so với trồng cây hàng năm khác.

* Đánh giá thực hiện Dê là vật nuôi phù hợp với điều kiện đồi núi, nguồn thức ăn tự nhiên phong phú tại địa phương. Chi phí đầu tư không lớn, thời gian quay vòng nhanh, mang lại hiệu quả kinh tế khá cho người dân. Tuy nhiên, việc chăm sóc, phòng chống dịch bệnh và liên kết tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

* Định hướng phát triển Tiếp tục mở rộng quy mô chăn nuôi dê theo hướng hàng hóa; xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, nâng cao chất lượng đàn dê. Khuyến khích liên kết giữa các hộ chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

* Giải pháp thực hiện - Hỗ trợ cải tạo giống dê. - Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh. - Phát triển vùng thức ăn chăn nuôi. - Hỗ trợ kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Mô hình chăn nuôi lợn sinh sản, thương phẩm

- Tiếp tục duy trì mô hình nuôi dê sinh sản mới thực hiện năm 2026 (14.874 con) (dự kiến tăng mới năm 2027 quy mô khoảng 15.000.000 con, đối với các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã.)

* Đánh giá thực hiện lợn là vật nuôi phù hợp với điều kiện của xã, Chi phí đầu tư lớn, thời gian quay vòng nhanh, mang lại hiệu quả kinh tế khá cho người dân. Tuy nhiên, việc chăm sóc, phòng chống dịch bệnh và liên kết tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

* Định hướng phát triển Tiếp tục mở rộng quy mô chăn nuôi lợn theo hướng hàng hóa; xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học.

2.3. Phát triển chăn nuôi gà thương phẩm:

Từng bước hình thành và phát triển vùng chăn nuôi gà theo hình thức bán

chăn thả tại các thôn: Yên Chung, Buông , Yên Thượng, Thượng Minh, Yên Ngoan... tận dụng lợi thế về diện tích đất vườn đồi, nguồn thức ăn tự nhiên và kinh nghiệm chăn nuôi của người dân. Phấn đấu đạt khoảng 10.000 con, nuôi theo quy mô hộ đình và nhóm hộ liên kết.

Tăng cường hướng dẫn kỹ thuật, áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, tiêm phòng, kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm. Kết nối với hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp để liên kết tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã.

2.4. Chăn nuôi dúi.

Nhân rộng các mô hình hiện có tại các thôn: Thượng Minh, Thôn Buông, Yên Chung..., tận dụng nguồn thức ăn sẵn có và kinh nghiệm chăn nuôi của các hộ dân. Đồng thời, khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Từng bước mở rộng quy mô theo hướng hàng hóa, gắn với đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường. Phấn đấu tăng số hộ chăn nuôi, quy mô đạt 5.000 con.

Tăng cường liên kết giữa các hộ chăn nuôi thông qua tổ hợp tác, hợp tác xã; hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm, tạo đầu ra ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và thu nhập cho người dân.

3. Lĩnh vực thủy sản

3.1. Phát triển nuôi cá rô phi theo hướng hàng hóa

Triển khai nuôi cá rô phi đơn tính, cá chép theo hướng hàng hóa tại các thôn: Hạ Quang, Trung, Yên Chàm, Tân Bể, Buông, Yên Ngoan, Quy mô dự kiến 20 ha, thực hiện theo quy trình kỹ thuật phù hợp, đảm bảo an toàn, hiệu quả và gắn với nhu cầu thị trường, từng bước nâng cao giá trị sản xuất thủy sản trên địa bàn.

3.2. Bảo tồn và phát triển cá Bống đặc sản

Duy trì và bảo tồn giống cá Bống, đặc sản của địa phương tại các thôn: Buông, Yên Ngoan, Sơn Thành... diện tích nuôi cá bống khoảng 5 ha. Việc bảo tồn và phát triển cá bống không chỉ góp phần giữ gìn nguồn gen quý, mà còn tạo ra sản phẩm đặc trưng có giá trị kinh tế cao, góp phần đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp của địa phương. Đồng thời, đây là cơ sở để xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm đặc sản gắn với điều kiện tự nhiên và tập quán sản xuất của xã.

Nâng cao chất lượng con giống, tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường nuôi; đồng thời đẩy mạnh liên kết tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành sản phẩm hàng hóa có thương hiệu, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Các thôn thuộc xã Hương Sơn (cũ) đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 1252/QĐ-SHTT ngày 29/4/2021 của Cục Sở hữu trí tuệ, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh phát triển, quảng bá và nâng cao giá trị sản phẩm cá bống trên thị trường.

3.3. Mô hình nuôi ốc Nhồi

* Quy mô thực hiện Tiếp tục duy trì mô hình nuôi ốc nhồi: tại thôn Trung, Thôn nghề, diện tích 5 ha, 08 hộ đang thực hiện). Dự kiến năm 2027 mở rộng diện tích ao sang nuôi ốc, số hộ tham gia khoảng 15 hộ.

- Địa điểm: thôn Trung, Thôn Nghề...

- Hình thức tổ chức: Hộ gia đình - Dự kiến thu nhập bình quân đạt khoảng: 250 - 300 triệu đồng/ha/năm.

* Mục tiêu: Nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi trên cùng một đơn vị diện tích.

* Đánh giá thực hiện Ốc nhồi là vật nuôi phù hợp với điều kiện ao, ruộng nước tại xã; chi phí đầu tư ban đầu không lớn, dễ chăm sóc, tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên. Mô hình bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế khá, tạo thêm sinh kế cho người dân. Tuy nhiên, kỹ thuật nuôi và phòng bệnh của một số hộ còn hạn chế; đầu ra sản phẩm chưa ổn định; quy mô nuôi còn nhỏ lẻ.

* Định hướng phát triển Tiếp tục mở rộng diện tích nuôi ốc nhồi tại các khu vực có điều kiện phù hợp; xây dựng sản phẩm đặc trưng của địa phương gắn với phát triển du lịch và ẩm thực. Khuyến khích liên kết các hộ nuôi theo tổ hợp tác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

* Giải pháp thực hiện - Tập huấn kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng bệnh cho ốc nhồi.

- Hỗ trợ con giống và kỹ thuật xây dựng ao nuôi.

- Tăng cường liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Khuyến khích xây dựng mô hình nuôi kết hợp du lịch trải nghiệm

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tăng cường công tác chỉ đạo xuyên suốt, xác định rõ đây là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế nông nghiệp của xã. Trên cơ sở kế hoạch chung, xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng năm, giao chỉ tiêu cụ thể cho từng thôn, từng lĩnh vực, gắn với trách nhiệm của trưởng thôn và các tổ chức liên quan.

Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai. Đồng thời, đưa nội dung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thôn.

2. Giải pháp về quy hoạch và tổ chức sản xuất

Tổ chức rà soát, xác định rõ từng vùng sản xuất phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi, đảm bảo chuyển đổi theo đúng định hướng, tránh tình trạng tự phát, manh mún.

Đối với từng nội dung chuyển đổi, thực hiện theo nguyên tắc “có vùng – có quy mô – có định hướng rõ ràng”, trong đó tập trung hình thành các vùng sản xuất tập trung

như cây mai tại Thôn Nghè... vùng lúa chất lượng cao tại Trung Thành, Thôn Trung...; từng vùng chăn nuôi tập trung theo từng khu vực đã xác định. Khuyến khích người dân tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã để tổ chức sản xuất theo hướng liên kết, từng bước chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa.

7. Giải pháp về khoa học kỹ thuật

Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; hướng dẫn người dân áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế; từng bước thay đổi tập quán sản xuất truyền thống theo hướng hiện đại, bền vững, tăng cường áp dụng quy trình sản xuất an toàn, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc tương đương.

4. Giải pháp về phát triển thị trường và liên kết tiêu thụ

Chủ động kết nối với doanh nghiệp, hợp tác xã, thương lái để xây dựng và ổn định đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực như lúa chất lượng cao, cam sành, lợn..., góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và thu nhập cho người dân.

Huy động các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đóng vai trò trung gian trong việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ. Đồng thời, hỗ trợ người dân nâng cao nhận thức về sản xuất gắn với thị trường, tránh tình trạng sản xuất tự phát, không có đầu ra ổn định.

5. Giải pháp về vốn và chính sách hỗ trợ

Tận dụng và lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển nông nghiệp, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững để hỗ trợ người dân thực hiện chuyển đổi.

Tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi phục vụ sản xuất; đồng thời khuyến khích người dân chủ động đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất.

6. Giải pháp về tuyên truyền, vận động

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đến toàn thể Nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp. Tăng cường vận động người dân thay đổi tư duy sản xuất, chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa; chủ động áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện.

7. Giải pháp về môi trường và phòng chống dịch bệnh

Trong quá trình phát triển chăn nuôi, yêu cầu các hộ dân thực hiện nghiêm các quy định về vệ sinh môi trường, xử lý chất thải chăn nuôi, không để gây ô

nhằm môi trường xung quanh.

Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; chủ động giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch, hạn chế thiệt hại cho người dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã

Là cơ quan chuyên môn chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch. Có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo từng vùng, từng đối tượng; phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Đồng thời, theo dõi, tổng hợp số liệu, đánh giá kết quả thực hiện và tham mưu báo cáo định kỳ theo quy định.

2. Trung tâm Dịch vụ công xã

- Xây dựng phóng sự, tin, bài để thông tin, tuyên truyền về kế hoạch; kịp thời đưa tin biểu dương những tổ chức, cá nhân, gương điển hình có những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả để người dân biết, học tập và nhân rộng.

- Phân công viên chức chuyên môn chỉ đạo, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân, chuyển giao KHKT về trồng trọt, chăn nuôi theo nội dung kế hoạch. Thực hiện công tác kiểm tra, dự tính, dự báo về sâu bệnh hại cây trồng, vật nuôi để hướng dẫn nhân dân biện pháp phòng trị.

3. Phòng Văn hóa – Xã hội xã

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phối hợp với các thôn, các tổ chức đoàn thể tuyên truyền sâu rộng đến người dân. Đồng thời, kịp thời thông tin, biểu dương các mô hình sản xuất hiệu quả, các điển hình tiên tiến để nhân rộng trên địa bàn.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội

Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện kế hoạch; phát huy vai trò giám sát cộng đồng trong quá trình triển khai, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả. Đồng thời, lồng ghép nội dung chuyển đổi cơ cấu sản xuất vào các phong trào thi đua, cuộc vận động tại địa phương.

5. Các thôn trên địa bàn xã

Tổ chức triển khai trực tiếp tại cơ sở; thực hiện tuyên truyền, vận động người dân tham gia chuyển đổi theo định hướng kế hoạch; rà soát, đăng ký cụ thể diện tích, quy mô chuyển đổi của từng hộ gia đình. Trưởng thôn chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện tại thôn và báo cáo định kỳ về Ủy ban nhân dân xã.

6. Các doanh nghiệp, hợp tác xã

Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc cung ứng giống, vật tư nông nghiệp, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, đồng thời liên kết tiêu thụ sản phẩm cho người dân; từng bước hình thành chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ, nâng cao giá trị

nông sản.

7. Các cá nhân, hộ gia đình

Các hộ gia đình, cá nhân là chủ thể trực tiếp thực hiện kế hoạch, có trách nhiệm chủ động tham gia chuyển đổi theo định hướng; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tuân thủ các quy định về phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường, đảm bảo hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các phòng, ban, đơn vị và các thôn thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc về Ủy ban nhân dân xã để xem xét, giải quyết. Việc tổ chức thực hiện cần bảo đảm rõ nội dung, tiến độ và trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản;
- Chi cục Trồng trọt và BVTV;
- Trạm Chăn nuôi, Thú y và TS Khu vực V;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT - XH xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc xã;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Nguồn